BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 350/TCTK-PPCĐ

V/v thông báo mã số và tên đơn vị hành chính mới

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập mới, chia tách, nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/03/2020;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ/TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến ngày 30/6/2004;

Tổng cục Thống kê thông báo danh sách các đơn vị hành chính và mã số mới trong toàn quốc từ ngày 01/01/2020 đến ngày 15/03/2020 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Tổng cục Thống kê đề nghị Quý cơ quan cập nhật mã số đơn vị hành chính mới để thống nhất sử dụng trong công tác quản lý và thống kê.

Mọi thông tin cần thiết xin liên hệ: Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê.

Điện thoại: (024) 73046666/8006, email: phuongphapchedo@gso.gov.vn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- TTTL (để đăng trên website);
- Lưu: VT, PPCĐ.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Bích Lâm

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI TOÀN QUỐC TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 15/3/2020

(Kèm theo Công văn số 350/TCTK-PPCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020)

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
01	Thành phố Hà Nội	895/NQ-UBTVQH14 11/2/2020					
			007	Quận Hai Bà Trưng			
					00250	Phường Bùi Thị Xuân	Đóng mã, nhập vào phường Nguyễn Du
					00253	Phường Ngô Thì Nhậm	Đóng mã, nhập vào phường Nguyễn Du và phường Phạm Đình Hổ
			272	Huyện Phúc Thọ			
					09727	Xã Xuân Đình	Đổi tên từ xã Xuân Phú
					09733	Xã Sen Phương	Đổi tên từ xã Sen Chiểu
					09730	Xã Phương Độ	Đóng mã, nhập vào xã Sen Phương
					09736	Xã Cẩm Đình	Đóng mã, nhập vào xã Xuân Đình
			280	Huyện Phú Xuyên			
					10282	Xã Nam Tiến	Đổi tên từ xã Văn Nhân
					10285	Xã Thụy Phú	Đóng mã, nhập vào xã Nam Tiến

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
04	Tỉnh Cao Bằng	864/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			042	Huyện Bảo Lâm			
					01306	Xã Tân Việt	Đóng mã, nhập vào xã Nam Quang
			044	Huyện Thông Nông			Đóng mã, sát nhập vào huyện Hà Quảng
			045	Huyện Hà Quảng			
					01363	Thị trấn Thông Nông	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01366	Xã Cần Yên	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01367	Xã Cần Nông	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01372	Xã Lương Thông	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01375	Xã Đa Thông	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01378	Xã Ngọc Động	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01381	Xã Yên Sơn	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01384	Xã Lương Can	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01387	Xã Thanh Long	Chuyển đến từ huyện Thông Nông
					01402	Xã Cải Viên	Đổi tên từ xã Vân An
					01420	Xã Vần Dính	Đổi tên từ xã Thượng Thôn
					01429	Xã Hồng Sỹ	Đổi tên từ xã Sỹ Hai
					01438	Xã Ngọc Đào	Đổi tên từ xã Phù Ngọc

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					01369	Xã Vị Quang	Chuyển đến từ huyện Thông Nông, đóng mã, nhập vào xã Cần Yên
					01390	Xã Bình Lãng	Chuyển đến từ huyện Thông Nông, đóng mã, nhập vào xã Thanh Long
					01396	Xã Kéo Yên	Đóng mã, nhập vào xã Lũng Nặm
					01405	Xã Cải Viên	Đóng mã, nhập vào xã Cải Viên mới
					01408	Xã Nà Sác	Đóng mã, nhập vào xã Trường Hà
					01423	Xã Vần Dính	Đóng mã, nhập vào xã Vần Dính mới
					01426	Xã Hồng Sỹ	Đóng mã, nhập vào xã Hồng Sỹ mới
					01441	Xã Đào Ngạn	Đóng mã, nhập vào xã Ngọc Đào
					01444	Xã Hạ Thôn	Đóng mã, nhập vào xã Mã Ba
			046	Huyện Trà Lĩnh			
					01468	Xã Quang Vinh	Đổi tên từ xã Lưu Ngọc
					01450	Xã Cô Mười	Đóng mã, nhập vào xã Quang Hán
					01459	Xã Quang Vinh	Đóng mã, nhập vào xã Quang Vinh mới
			047	Huyện Trùng Khánh			
					01525	Xã Đoài Dương	Đổi tên từ xã Thông Huề
					01486	Xã Ngọc Chung	Đóng mã, nhập vào xã Khâm Thành
					01492	Xã Lăng Yên	Đóng mã, nhập vào xã Lăng Hiếu

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					01510	Xã Đình Minh	Đóng mã, nhập vào thị trấn Trùng Khánh
					01513	Xã Cảnh Tiên	Đóng mã, nhập vào xã Đức Hồng
					01528	Xã Thân Giáp	Đóng mã, nhập vào xã Đoài Dương
					01531	Xã Đoài Côn	Đóng mã, nhập vào xã Đoài Dương
			048	Huyện Hạ Lang			
					01564	Xã Thống Nhất	Đổi tên từ xã Việt Chu
					01570	Xã Thái Đức	Đóng mã, nhập vào xã Thống Nhất
			049	Huyện Quảng Uyên			
					01585	Xã Bình Lăng	Đóng mã, nhập vào xã Độc Lập
					01588	Xã Quốc Dân	Đóng mã, nhập vào xã Phúc Sen
					01591	Xã Quốc Phong	Đóng mã, nhập vào thị trấn Quảng Uyên
					01600	Xã Đoài Khôn	Đóng mã, nhập vào xã Tự Do
					01612	Xã Hồng Định	Đóng mã, nhập vào xã Hạnh Phúc
					01621	Xã Hoàng Hải	Đóng mã, nhập vào xã Ngọc Động
			050	Huyện Phục Hòa			
					01630	Xã Bế Văn Đàn	Đổi tên từ xã Triệu Âu
					01633	Xã Hồng Đại	Đóng mã, nhập vào xã Bế Văn Đàn và xã Cách Linh
					01642	Xã Lương Thiện	Đóng mã, nhập vào thị trấn Hòa Thuận

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
			051	Huyện Hòa An			
					01699	Xã Nguyễn Huệ	Đổi tên từ xã Trưng Vương
					01663	Xã Đức Xuân	Đóng mã, nhập vào xã Đại Tiến
					01678	Xã Bình Long	Đóng mã, nhập vào xã Hồng Việt và thị trấn Nước Hai
					01681	Xã Nguyễn Huệ	Đóng mã, nhập vào xã Nguyễn Huệ mới
					01684	Xã Công Trừng	Đóng mã, nhập vào xã Trương Lương
					01690	Xã Bế Triều	Đóng mã, nhập vào xã Đại Tiến và thị trấn Nước Hai
					01717	Xã Hà Trì	Đóng mã, nhập vào xã Quang Trung
			052	Huyện Nguyên Bình			
					01762	Xã Vũ Minh	Đổi tên từ xã Minh Thanh
					01741	Xã Thái Học	Đóng mã, nhập vào xã Vũ Minh
					01753	Xã Bắc Hợp	Đóng mã, nhập vào xã Vũ Minh và xã Minh Tâm
					01759	Xã Lang Môn	Đóng mã, nhập vào xã Minh Tâm
			053	Huyện Thạch An			
					01798	Xã Thị Ngân	Đóng mã, nhập vào xã Vân Trình
					01825	Xã Danh Sỹ	Đóng mã, nhập vào xã Lê Lợi

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
		897/NQ-UBTVQH14 11/02/2020					
			046	Huyện Trà Lĩnh			Đóng mã, nhập vào huyện Trùng Khánh
			047	Huyện Trùng Khánh			
					01447	Thị trấn Trà Lĩnh	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh, đổi tên từ thị trấn Hùng Quốc
					01453	Xã Tri Phương	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01456	Xã Quang Hán	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01462	Xã Xuân Nội	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01465	Xã Quang Trung	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01468	Xã Quang Vinh	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01471	Xã Cao Chương	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
			049	Huyện Quảng Hòa			Đổi tên từ huyện Quảng Uyên
					01474	Xã Quốc Toản	Chuyển đến từ huyện Trà Lĩnh
					01627	Thị trấn Tà Lùng	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
					01630	Xã Bế Văn Đàn	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
					01636	Xã Cách Linh	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
					01639	Xã Đại Sơn	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
					01645	Xã Tiên Thành	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
					01648	Thị trấn Hoà Thuận	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					01651	Xã Mỹ Hưng	Chuyển đến từ huyện Phục Hòa
			050	Huyện Phục Hòa			Đóng mã, nhập vào huyện Quảng Hòa
06	Tỉnh Bắc Kạn	855/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			061	Huyện Ba Bể			
					01903	Xã Thượng Giáo	Đổi tên từ xã Cao Trĩ
					01912	Xã Thượng Giáo	Đóng mã, nhập vào xã Thượng Giáo mới
			062	Huyện Ngân Sơn			
					01960	Xã Hiệp Lực	Đổi tên từ xã Lãng Ngâm
					01966	Xã Hương Nê	Đóng mã, nhập vào xã Hiệp Lực
			063	Huyện Bạch Thông			
					01993	Xã Tân Tú	Đổi tên từ xã Tân Tiến
					02005	Xã Quân Hà	Đổi tên từ xã Hà Vị
					01972	Xã Phương Linh	Đóng mã, nhập vào thị trấn Phủ Thông
					01987	Xã Tú Trĩ	Đóng mã, nhập vào xã Tân Tú
					01996	Xã Quân Bình	Đóng mã, nhập vào xã Quân Hà
			064	Huyện Chợ Đồn			
					02059	Xã Đồng Thắng	Đổi tên từ xã Đông Viên

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					02083	Xã Yên Phong	Đổi tên từ xã Yên Nhuận
					02056	Xã Rã Bản	Đóng mã, nhập vào xã Đồng Thắng
					02074	Xã Phong Huân	Đóng mã, nhập vào xã Bằng Lãng và xã Yên Phong
			065	Huyện Chợ Mới			
					02086	Thị trấn Đồng Tâm	Đổi tên từ thị trấn Chợ Mới
					02113	Xã Thanh Thịnh	Đổi tên từ xã Nông Thịnh
					02119	Xã Thanh Bình	Đóng mã, nhập vào xã Thanh Thịnh
					02128	Xã Yên Đĩnh	Đóng mã, nhập vào thị trấn Đồng Tâm
			066	Huyện Na Rì			
					02155	Thị trấn Yên Lạc	Đổi loại hình từ xã Lương Hạ
					02137	Xã Văn Vũ	Đổi tên từ xã Vũ Loan
					02140	Xã Văn Lang	Đổi tên từ xã Lạng San
					02161	Xã Sơn Thành	Đổi tên từ xã Lương Thành
					02179	Xã Trần Phú	Đổi tên từ xã Hữu Thác
					02134	Thị trấn Yên Lạc	Đóng mã, nhập vào thị trấn Yên Lạc mới
					02149	Xã Văn Học	Đóng mã, nhập vào xã Cường Lợi và xã Văn Vũ
					02164	Xã Ân Tình	Đóng mã, nhập vào xã Văn Lang
					02167	Xã Lam Sơn	Đóng mã, nhập vào xã Sơn Thành

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					02182	Xã Hảo Nghĩa	Đóng mã, nhập vào xã Trần Phú
10	Tỉnh Lào Cai	896/NQ-UBTVQH14 11/02/2020					
			080	Thành phố Lào Cai			
					02641	Phường Lào Cai	Đổi tên từ phường Phố Mới
					02659	Xã Thống Nhất	Đổi loại hình từ phường Thống Nhất
					02746	Xã Cốc San	Chuyển đến từ huyện Bát Xát
					02638	Phường Lào Cai	Đóng mã, nhập vào phường Lào Cai mới
			082	Huyện Bát Xát			
					02698	Xã Ngải Thầu	Đóng mã, nhập vào xã A Lù
			084	Huyện Si Ma Cai			
					02809	Thị trấn Si Ma Cai	Đổi loại hình từ xã Si Ma Cai
					02818	Xã Lùng Thẩn	Đổi tên từ xã Lùng Sui
					02827	Xã Quan Hồ Thẩn	Đổi tên từ xã Cán Hồ
					02815	Xã Mản Thẩn	Đóng mã, nhập vào xã Quan Hồ Thẩn
					02830	Xã Quan Thần Sán	Đóng mã, nhập vào xã Quan Hồ Thẩn
					02833	Xã Lử Thẩn	Đóng mã, nhập vào xã Lùng Thẩn
			085	Huyện Bắc Hà			

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					02845	Xã Bản Già	Đóng mã, nhập vào xã Tả Củ Tỷ
					02860	Xã Lầu Thí Ngài	Đóng mã, nhập vào xã Lùng Phình
			086	Huyện Bảo Thắng			
					02941	Xã Phố Lu	Đóng mã, nhập vào thị trấn Phố Lu
			087	Huyện Bảo Yên			
					02998	Xã Phúc Khánh	Đổi tên từ xã Long Khánh
					02995	Xã Long Phúc	Đóng mã, nhập vào xã Phúc Khánh
			089	Huyện Văn Bàn			
					03058	Xã Văn Sơn	Đóng mã, nhập vào xã Võ Lao
12	Tỉnh Lai Châu	866/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			105	Thành phố Lai Châu			
					03403	Xã Sùng Phài	Đổi tên từ xã Nậm Loỏng
					03397	Xã Sùng Phài	Chuyển đến từ huyện Tam Đường, đóng mã, nhập vào xã Sùng Phài mới
			109	Huyện Phong Thổ			
					03556	Xã Ma Li Chải	Đóng mã, nhập vào xã Si Lở Lầu
15	Tỉnh Yên Bái	871/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
			132	Thành phố Yên Bái			
					04549	Xã Văn Tiến	Đóng mã, nhập vào xã Văn Phú
					04552	Xã Phúc Lộc	Đóng mã, nhập vào xã Giới Phiên
			133	Thị xã Nghĩa Lộ			
					04624	Xã Nghĩa Lộ	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn, đổi loại hình từ thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ
					04660	Xã Sơn A	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
					04663	Xã Phù Nham	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
					04675	Xã Thanh Lương	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
					04678	Xã Hạnh Sơn	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
					04681	Xã Phúc Sơn	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
					04684	Xã Thạch Lương	Chuyển đến từ huyện Văn Chấn
			136	Huyện Văn Yên			
					04432	Xã Yên Hưng	Đóng mã, nhập vào xã Yên Thái
					04444	Xã Hoàng Thắng	Đóng mã, nhập vào xã Xuân Ái
			138	Huyện Trấn Yên			
					04534	Xã Minh Tiến	Đóng mã, nhập vào xã Y Can
			140	Huyện Văn Chấn			
					04672	Thị trấn Sơn Thịnh	Đổi loại hình từ xã Sơn Thịnh

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
			141	Huyện Yên Bình			
					04723	Xã Tích Cốc	Đóng mã, nhập vào xã Cảm Nhân
					04555	Xã Văn Lãng	Đóng mã, nhập vào xã Phú Thịnh
26	Tỉnh Vĩnh Phúc	868/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			248	Huyện Tam Đảo			
					08911	Thị trấn Hợp Châu	Dổi loại hình xã Hợp Châu
					08923	Thị trấn Đại Đình	Đổi loại hình từ xã Đại Đình
			249	Huyện Bình Xuyên			
					08944	Thị trấn Bá Hiến	Đổi loại hình từ xã Bá Hiến
					08962	Thị trấn Đạo Đức	Đổi loại hình từ xã Đạo Đức
			252	Huyện Vĩnh Tường			
					09124	Xã Tân Phú	Đổi tên từ xã Phú Thịnh
					09121	Xã Tân Cương	Đóng mã, nhập vào xã Tân Phú
31	Thành phố Hải Phòng	872/ NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			303	Quận Hồng Bàng			
					11317	Phường Quang Trung	Đóng mã, nhập vào phường Hoàng Văn Thụ

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					11326	Phường Phạm Hồng Thái	Đóng mã, nhập vào phường Phan Bội Châu
			304	Quận Ngô Quyền			
					11344	Phường Cầu Đất	Đổi tên từ phường Lương Khánh Thiện
					11353	Phường Cầu Đất	Đóng mã, nhập vào phường Cầu Đất mới
			308	Quận Đồ Sơn			
					11458	Phường Hải Sơn	Đổi tên từ phường Ngọc Hải
					11464	Phường Vạn Sơn	Đóng mã, nhập vào phường Hải Sơn
			315	Huyện Tiên Lãng			
					11818	Xã Tiên Hưng	Đóng mã, nhập vào xã Vinh Quang
					11767	Xã Tiên Tiến	Đóng mã, nhập xã Quyết Tiến
36	Tỉnh Nam Định	858/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			360	Huyện Ý Yên			
					13837	Xã Yên Xá	Đóng mã, nhập vào thị trấn Lâm
			361	Huyện Nghĩa Hưng			
					13951	Xã Phúc Thắng	Đổi tên từ xã Nghĩa Thắng
					13960	Xã Nghĩa Phúc	Đóng mã, nhập vào xã Phúc Thắng

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
			366	Huyện Hải Hậu			
					14278	Xã Hải Toàn	Đóng mã, nhập vào xã Hải An
37	Tỉnh Ninh Bình	861/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			376	Huyện Kim Sơn			
					14632	Xã Xuân Chính	Đổi tên từ xã Chính Tâm
					14626	Xã Xuân Thiện	Đóng mã, nhập vào xã Xuân Chính
					14644	Xã Yên Mật	Đóng mã, nhập vào xã Kim Chính và xã Như Hòa
44	Tỉnh Quảng Bình	862/ NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			450	Thành phố Đồng Hới			
					18868	Phường Đồng Hải	Đổi tên từ phường Hải Đình
					18862	Phường Đồng Mỹ	Đóng mã, nhập vào phường Đồng Hải
			452	Huyện Minh Hóa			
					18940	Xã Quy Hóa	Đóng mã, nhập vào thị trấn Quy Đạt
			453	Huyện Tuyên Hóa			
					18982	Xã Nam Hóa	Đóng mã, nhập vào xã Thạch Hóa
			454	Huyện Quảng Trạch			

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					19051	Xã Liên Trường	Đổi tên từ xã Quảng Liên
					19054	Xã Quảng Trường	Đóng mã, nhập vào xã Liên Trường
			455	Huyện Bố Trạch			
					19165	Thị trấn Phong Nha	Đổi loại hình từ xã Sơn Trạch
					19144	Xã Hải Phú	Đổi tên từ xã Hải Trạch
					19153	Xã Phú Trạch	Đóng mã, nhập vào xã Hải Phú
					19171	Xã Hoàn Trạch	Đóng mã, nhập thị trấn Hoàn Lão
			457	Huyện Lệ Thủy			
					19306	Xã Ngư Thủy	Đổi tên từ xã Ngư Thủy Nam
					19282	Xã Ngư Thủy Trung	Đóng mã, nhập vào xã Ngư Thủy
					19324	Xã Văn Thủy	Đóng mã, nhập vào xã Trường Thủy
49	Tỉnh Quảng Nam	863/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			509	Huyện Quế Sơn			
					20651	Thị trấn Hương An	Đổi loại hình từ xã Hương An
					20665	Xã Quế Mỹ	Đổi tên từ xã Phú Thọ
					20653	Xã Quế Cường	Đóng mã, nhập vào xã Quế Mỹ
			512	Huyện Hiệp Đức			
					20779	Thị trấn Tân Bình	Đổi loại hình từ xã Quế Bình

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					20755	Thị trấn Tân An	Đóng mã, nhập vào thị trấn Tân Bình
			519	Huyện Nông Sơn			
					20668	Xã Ninh Phước	Đổi tên từ xã Quế Ninh
					20674	Xã Quế Phước	Đóng mã, nhập vào xã Ninh Phước
56	Tỉnh Khánh Hòa	894/NQ-UBTVQH14 11/02/2020					
			574	Huyện Diên Khánh			
					22696	Xã Bình Lộc	Đổi tên từ xã Diên Bình
					22699	Xã Diên Lộc	Đóng mã, nhập vào xã Bình Lộc
64	Tỉnh Gia Lai	859/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			622	Thành phố Pleiku			
					23587	Xã Chư HDrông	Đóng mã, nhập vào phường Chi Lăng
			627	Huyện Chư Păh			
					23758	Xã Chư Jôr	Đóng mã, nhập vào xã Chư Đang Ya
72	Tỉnh Tây Ninh	865/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			709	Thị xã Hòa Thành			Đổi loại hình từ huyện Hòa Thành

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					25630	Phường Long Hoa	Đổi loại hình từ thị trấn Hòa Thành
					25633	Phường Hiệp Tân	Đổi loại hình từ xã Hiệp Tân
					25636	Phường Long Thành Bắc	Đổi loại hình từ xã Long Thành Bắc
					25645	Phường Long Thành Trung	Đổi loại hình từ xã Long Thành Trung
			712	Thị xã Trảng Bàng			Đổi loại hình từ huyện Trảng Bàng
					25708	Phường Trảng Bàng	Đổi loại hình từ thị trấn Trảng Bàng
					25717	Phường Lộc Hưng	Đổi loại hình từ xã Lộc Hưng
					25720	Phường Gia Lộc	Đổi loại hình từ xã Gia Lộc
					25723	Phường Gia Bình	Đổi loại hình từ xã Gia Bình
					25732	Phường An Tịnh	Đổi loại hình từ xã An Tịnh
					25735	Phường An Hòa	Đổi loại hình từ xã An Hòa
					25729	Xã Phước Bình	Đổi tên từ xã Bình Thạnh
					25726	Xã Phước Lưu	Đóng mã, nhập vào xã Phước Bình
74	Tỉnh Bình Dương	857/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			723	Thị xã Tân Uyên			
					25912	Phường Vĩnh Tân	Đổi loại hình từ xã Vĩnh Tân
					25915	Phường Hội Nghĩa	Đổi loại hình từ xã Hội Nghĩa
					25924	Phường Phú Chánh	Đổi loại hình từ xã Phú Chánh

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					25933	Phường Tân Vĩnh Hiệp	Đổi loại hình từ xã Tân Vĩnh Hiệp
			724	Thành phố Dĩ An			Đổi loại hình từ thị xã Dĩ An
			725	Thành phố Thuận An			Đổi loại hình từ thị xã Thuận An
82	Tỉnh Tiền Giang	870/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			818	Huyện Tân Phước			
					28351	Xã Mỹ Phước	Đóng mã, nhập vào thị trấn Mỹ Phước
83	Tỉnh Bến Tre	856/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			829	Thành phố Bến Tre			
					28777	Phường An Hội	Đổi tên từ phường 2
					28771	Phường 1	Đóng mã, nhập vào phường An Hội
					28774	Phường 3	Đóng mã, nhập vào phường An Hội
					28867	Xã Mỹ Thành	Đóng mã, nhập vào xã Bình Phú
			831	Huyện Châu Thành			
					28816	Xã Giao Hòa	Đóng mã, nhập vào xã Giao Long
			833	Huyện Mỏ Cày Nam			
					28945	Xã Bình Khánh	Đổi tên từ xã Bình Khánh Đông

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					28954	Xã Bình Khánh Tây	Đóng mã, nhập vào xã Bình Khánh
			834	Huyện Giồng Trôm			
					28990	Xã Phong Mỹ	Đóng mã, nhập vào xã Phong Nẫm
			836	Huyện Ba Tri			
					29137	Xã Phước Ngãi	Đổi tên từ xã Phước Tuy
					29140	Xã Phú Ngãi	Đóng mã, nhập vào xã Phước Ngãi
86	Tỉnh Vĩnh Long	860/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			855	Thành phố Vĩnh Long			
					29563	Phường Tân Ngãi	Đổi loại hình từ xã Tân Ngãi
					29566	Phường Tân Hòa	Đổi loại hình từ xã Tân Hòa
					29569	Phường Tân Hội	Đổi loại hình từ xã Tân Hội
					29572	Phường Trường An	Đổi loại hình từ xã Trường An
			858	Huyện Mang Thít			
					29641	Thị trấn Cái Nhum	Đổi loại hình từ xã Chánh Hội
					29620	Thị trấn Cái Nhum	Đóng mã, nhập vào thị trấn Cái Nhum mới
			863	Huyện Bình Tân			
					29800	Thị trấn Tân Quới	Đổi loại hình từ xã Thành Lợi
					29791	Xã Thành Lợi	Đổi tên từ xã Thành Đông

Mã tỉnh	Tên Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số Nghị quyết ngày, tháng, năm	Mã Huyện	Tên Huyện,Quận, Thị xã, Thành phố trực thuộc Tỉnh	Mã Xã	Tên Xã, Phường, Thị trấn	Mô tả
					29803	Xã Tân Quới	Đóng mã, nhập vào thị trấn Tân Quới
92	Thành phố Cần Thơ	893/NQ-UBTVQH14 11/02/2020					
			916	Quận Ninh Kiều			
					31132	Phường An Hội	Đóng mã, nhập vào phường Tân An
					31138	Phường An Lạc	Đóng mã, nhập vào phường Tân An
93	Tỉnh Hậu Giang	869/NQ-UBTVQH14 10/01/2020					
			931	Thành phố Ngã Bảy			Đổi loại hình từ thị xã Ngã Bảy
					31344	Phường Hiệp Lợi	Đổi loại hình từ xã Hiệp Lợi
			933	Huyện Châu Thành			
					31372	Xã Phú An	Đóng mã, nhập vào thị trấn Ngã Sáu và xã Đông Thạnh